



ĐIỀU HÀNH CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG Ở VIỆT NAM NĂM 2025 - DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2026

Lương Minh Cừ, Đặng Thị Ngọc Lan*

Trường Đại học Cửu Long

*Email: dangthingoclan@mku.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.65934/mkusj.2026.41.892>

Ngày nhận bài: 29/12/2025; Ngày phản biện: 08/01/2026; Ngày duyệt bài: 27/01/2026

TÓM TẮT

Năm 2025, điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế toàn cầu và trong nước nhiều biến động, song vẫn đạt được sự ổn định tương đối về tỷ giá, lãi suất, tín dụng và lạm phát. Bài nghiên cứu này phân tích các yếu tố quốc tế và kinh tế vĩ mô trong nước tác động đến điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa, góp phần kiểm soát lạm phát bình quân dưới 4%, duy trì tăng trưởng tín dụng khoảng 16% và tăng dự trữ ngoại hối trên 100 tỷ USD. Các ngân hàng thương mại tiếp tục củng cố an toàn vốn, xử lý nợ xấu hiệu quả, đẩy mạnh chuyển đổi số và phát triển tín dụng xanh. Bên cạnh những kết quả tích cực, hệ thống tài chính vẫn đối mặt với các thách thức. Từ đó, nghiên cứu đề xuất khuyến nghị chính sách năm 2026.

Từ khóa: Chính sách tiền tệ; Ngân hàng Nhà nước; hoạt động ngân hàng; kinh tế vĩ mô.

ABSTRACT

In 2025, the management of monetary policy and banking operations in Vietnam took place amid significant fluctuations in both the global and domestic economic environments, yet still achieved relative stability in exchange rates, interest rates, credit growth, and inflation. This study analyzes international factors and domestic macroeconomic conditions affecting the management of monetary policy and banking operations in Vietnam. The research results show that the State Bank of Vietnam conducted monetary policy in a proactive and flexible manner, closely coordinating with fiscal policy, thereby contributing to keeping average inflation below 4%, maintaining credit growth at around 16%, and increasing foreign exchange reserves to over USD 100 billion. Commercial banks continued to strengthen capital adequacy, effectively handle non-performing loans, accelerate digital transformation, and promote the development of green credit. Despite these positive outcomes, the financial system still faces several challenges. Based on these findings, the study proposes policy recommendations for 2026.

Keywords: Monetary policy; State Bank of Vietnam; banking operations; macroeconomics



1. Giới thiệu nghiên cứu

Chính sách tiền tệ đóng vai trò trung tâm trong việc duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng. Năm 2025, bối cảnh kinh tế toàn cầu chứng kiến sự chuyển hướng chính sách tiền tệ từ thắt chặt sang nới lỏng, trong khi kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm và giá hàng hóa giảm. Những yếu tố này tác động đáng kể đến các nền kinh tế mới nổi, trong đó có Việt Nam. Trong nước, nền kinh tế phục hồi tích cực nhưng còn chịu ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu, và cầu tiêu dùng chưa thật mạnh. Việc duy trì tăng trưởng, kiểm soát lạm phát, ổn định tỷ giá và củng cố hệ thống ngân hàng đặt ra yêu cầu điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và giám sát tài chính. Bài nghiên cứu này nhằm phân tích tổng thể điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng Việt Nam năm 2025, làm rõ các kết quả đạt được, thách thức còn tồn tại, đồng thời đề xuất định hướng, khuyến nghị chính sách cho năm 2026. Trọng tâm nghiên cứu là các nội dung: điều hành lãi suất, tín dụng, tỷ giá, xử lý nợ xấu, quản lý ngoại hối, và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý hoạt động ngân hàng trong bối cảnh mới của hội nhập quốc tế và chuyển đổi số.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp - phân tích kết hợp định tính và định lượng. Dữ liệu được thu thập từ các báo cáo chính thức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, IMF, World Bank, cùng các nguồn tin tài chính quốc tế (Reuters, Bloomberg). Phương pháp phân tích so sánh và diễn giải được áp dụng để đánh giá tác động của biến động quốc tế và trong nước đến chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Ngoài ra, mô hình xu hướng (trend analysis) và phân tích chính sách được sử dụng nhằm dự báo định hướng điều hành năm 2026, đưa ra khuyến nghị chính sách

phù hợp với mục tiêu ổn định vĩ mô và phát triển bền vững của Việt Nam

3. Thực trạng điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng ở Việt Nam năm 2025

3.1. Diễn biến tài chính quốc tế và tác động đến điều hành chính sách tiền tệ Việt Nam

Năm 2025, kinh tế toàn cầu chứng kiến những biến động đan xen giữa phục hồi và bất định. Theo Báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới (WEO) tháng 10/2025 của IMF, tăng trưởng toàn cầu dự kiến đạt 3,2%, phản ánh xu hướng ổn định nhưng còn chịu rủi ro từ căng thẳng địa chính trị, thương mại và chuỗi cung ứng. (IMF, 2025).

Ngày 30/10/2025, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) chính thức giảm lãi suất 0,25 điểm phần trăm, đưa biên độ xuống 4,75-5,00%, đánh dấu bước ngoặt trong chu kỳ tiền tệ kể từ năm 2022. Động thái này nhằm hỗ trợ tăng trưởng khi lạm phát Mỹ hạ nhiệt quanh 2,6%, trong khi sản xuất và tiêu dùng có dấu hiệu chững lại. Ngay sau quyết định, chỉ số USD Index giảm từ 106 xuống quanh 103 điểm, còn các chỉ số chứng khoán như S&P 500 và Dow Jones tăng hơn 1,2%, phản ánh kỳ vọng chi phí vốn thấp hơn sẽ thúc đẩy lợi nhuận doanh nghiệp. Federal Reserve. (2025)

Tuy nhiên, chính sách thuế quan mới của Mỹ đối với hàng hóa công nghệ và kim loại Trung Quốc tiếp tục làm leo thang căng thẳng thương mại, gia tăng bất định chuỗi cung ứng. Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm, khi GDP quý III/2025 chỉ đạt 4,3%, kéo giảm cầu nhập khẩu và ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu của Việt Nam.

Trên thị trường hàng hóa, giá dầu Brent dao động quanh 68 USD/thùng, thấp hơn cùng kỳ 2024, giúp giảm áp lực lạm phát toàn cầu. Tuy nhiên, rủi ro địa chính trị Trung Đông vẫn có thể làm giá đảo chiều. Trong khi đó, giá Bitcoin dao động rất bất thường, có thời điểm lên trên 100.000 USD sau đó



giảm mạnh, bình quân trong năm 2025 duy trì quanh 63.000 USD, phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư quốc tế. (IMF, 2025).

Đối với Việt Nam, môi trường lãi suất toàn cầu giảm giúp giảm áp lực tỷ giá và chi phí trả nợ ngoại tệ, đồng thời hỗ trợ dòng vốn đầu tư vào thị trường mới nổi. Tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) vẫn cần điều hành thận trọng để cân bằng giữa ổn định tỷ giá - kiểm soát lạm phát - hỗ trợ tăng trưởng, đồng thời theo dõi rủi ro dòng vốn ngắn hạn và nợ xấu tiềm ẩn. Ngành ngân hàng Việt Nam được khuyến nghị tăng cường quản trị thanh khoản, phòng ngừa rủi ro tỷ giá, và ưu tiên tín dụng cho lĩnh vực xuất khẩu, công nghiệp phụ trợ và chuỗi cung ứng để tận dụng giai đoạn nói lỏng quốc tế.

3.2. Diễn biến kinh tế vĩ mô và các yếu tố trong nước

Kinh tế Việt Nam năm 2025 phục hồi mạnh mẽ, song vẫn đối mặt với thách thức nội tại và biến động toàn cầu. Theo Tổng cục Thống kê (GSO), GDP 9 tháng đầu năm tăng 7,85%, trong đó quý III tăng 8,23% - mức cao nhất kể từ 2011 (trừ 2022). Mức tăng này vượt kỳ vọng nhưng vẫn thấp hơn mục tiêu năm do đầu tư tư nhân và tiêu dùng nội địa hồi phục chậm, trong khi xuất khẩu chịu ảnh hưởng từ suy giảm cầu thế giới. (GSO, 2025).

Lạm phát (CPI) bình quân 9 tháng tăng 3,27%, trong tầm kiểm soát (mục tiêu dưới 4,5%) nhưng chịu áp lực từ nhóm thực phẩm, xăng dầu và logistics. Tỷ giá USD/VND có biến động nhẹ trong quý II song ổn định dần nhờ dự trữ ngoại hối và điều hành linh hoạt. Cán cân thương mại tiếp tục thặng dư khoảng 16,8 tỷ USD, với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 680,6 tỷ USD, tăng 17,3% so với cùng kỳ 2024. (GSO, 2025).

Tuy nhiên, giải ngân vốn đầu tư công vẫn là điểm nghẽn: đến 16/10/2025, mới đạt 50,7% kế hoạch năm (khoảng 455 nghìn tỷ đồng). Cùng với đó, thiên tai và bão lũ tại miền Trung và Tây Nam Bộ làm gián đoạn

sản xuất nông - lâm - thủy sản, gây thiệt hại cơ sở hạ tầng và gia tăng chi phí khắc phục, ảnh hưởng đến nợ xấu khu vực ngân hàng. (GSO, 2025).

Bên cạnh đó, giá vàng trong nước tăng mạnh (41,9% so với cùng kỳ) phản ánh tâm lý tìm kiếm tài sản trú ẩn. Ổ chiều tích cực, du lịch quốc tế phục hồi mạnh, đóng góp quan trọng cho ngành dịch vụ và tiêu dùng nội địa. (GSO, 2025).

Trước bối cảnh này, chính sách tiền tệ năm 2025 tiếp tục được điều hành linh hoạt, thận trọng và phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa, nhằm ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng hợp lý. Hệ thống ngân hàng cần tăng cường quản trị thanh khoản, dự báo rủi ro tỷ giá, đồng thời định hướng tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên có khả năng lan tỏa cao để thúc đẩy phục hồi kinh tế bền vững.

3.3. Điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2025

Năm 2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ theo hướng chủ động, linh hoạt và thận trọng, nhằm duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng bền vững. Mục tiêu xuyên suốt là điều hành đồng bộ giữa lãi suất, tỷ giá, tín dụng và nghiệp vụ thị trường mở (OMO) để cân đối giữa ổn định tiền tệ và hỗ trợ tăng trưởng.

Điều hành lãi suất chủ đạo

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ động điều hành các loại lãi suất theo mục tiêu của chính sách tiền tệ trong từng giai đoạn, từ năm và từng thời kỳ. Sau giai đoạn giảm mạnh trong năm 2023-2024, mặt bằng lãi suất điều hành năm 2025 được NHNN duy trì ổn định, phù hợp với xu hướng phục hồi kinh tế và kiểm soát lạm phát mục tiêu dưới 4%.

Từ tháng 1 đến tháng 12/2025, các mức lãi suất chủ yếu gồm:

- Lãi suất tái cấp vốn: 4,5%/năm
- Lãi suất tái chiết khấu: 3,0%/năm



- Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán liên ngân hàng: 6,0%/năm
- Lãi suất OMO (nghiệp vụ thị trường mở): dao động 4,2-4,5%/năm (NHNN Việt Nam, 2025).

Việc duy trì mặt bằng lãi suất ổn định giúp giữ chi phí vốn hợp lý cho doanh nghiệp, đồng thời hạn chế áp lực tỷ giá và lạm phát nhập khẩu trong bối cảnh các ngân hàng trung ương lớn vẫn theo đuổi chính sách thắt chặt.

Điều hành tỷ giá và thị trường ngoại hối

Trong nhiều năm qua cũng như năm 2025 NHNN tiếp tục áp dụng cơ chế tỷ giá trung tâm linh hoạt, bám sát diễn biến quốc tế, vừa đảm bảo tính cạnh tranh thương mại, vừa hạn chế biến động cực đoan. Từ đầu năm đến tháng 12/2025, tỷ giá trung tâm VND/USD do NHNN công bố tăng khoảng 0,8%, từ 24.200 VND/USD đầu năm lên 24.410 VND/USD cuối tháng 12/2025. Trong khi đó, tỷ giá tại các Ngân hàng thương mại (NHTM) dao động quanh 24.300-24.590 VND/USD, và tỷ giá thị trường tự do ở mức 24.400-24.720 VND/USD (NHNN Việt Nam, 2025). Dự trữ ngoại hối được củng cố khoảng 110 tỷ USD, tạo đệm cho can thiệp khi cần, tạo dư địa cho NHNN can thiệp thị trường khi cần thiết và duy trì ổn định đồng nội tệ (IMF, 2025).

Tăng trưởng tín dụng và điều hành thanh khoản

Trong nhiều năm qua, ngay từ đầu năm, NHNN công bố chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống ở mức 14-15%, năm 2025 cũng duy trì ở mức đó, tuy nhiên theo chỉ đạo của Chính phủ sau đó điều chỉnh lên 16% vào tháng 9/2025 và đã phân bổ hết hạn mức tín dụng cho các NHTM. Tính đến hết tháng 9/2025, tăng trưởng tín dụng đạt 14%, cao hơn cùng kỳ 2024; dự kiến cả năm đạt 19-20%. (NHNN Việt Nam, 2025).

Nghiệp vụ thị trường mở (OMO) và thanh khoản

Trong nhiều năm qua cũng như năm 2025, NHNN sử dụng nghiệp vụ thị trường mở (OMO) để điều tiết linh hoạt thanh khoản của các Tổ chức tín dụng (TCTD) trong nền kinh tế. Khi thừa vốn, NHNN hút tiền về qua phát hành tín phiếu kỳ hạn 7-14 ngày, lãi suất khoảng 4,25%/năm. Khi thiếu vốn, NHNN bơm tiền ra qua kênh repo trái phiếu Chính phủ, với giá trị bơm ròng trung bình 45-50 nghìn tỷ đồng/tháng. Nhờ đó, lãi suất liên ngân hàng duy trì ổn định ở mức 3,5-4,2%/năm, góp phần ổn định cung - cầu vốn và đảm bảo an toàn thanh khoản hệ thống. (NHNN Việt Nam, 2025).

3.4. Xu hướng phát triển và hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam năm 2025

Trong hoạt động ngân hàng, chuyển đổi số và phát triển ngân hàng xanh tiếp tục là hai xu hướng nổi bật của hệ thống tài chính Việt Nam khoảng 10 năm gần đây nói chung và năm 2025 nói riêng. Các NHTM đã tăng cường đầu tư vào hạ tầng công nghệ, mở rộng dịch vụ ngân hàng số, mã QR trên thiết bị di động, ví điện tử và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong chăm sóc khách hàng, thẩm định tín dụng và quản trị rủi ro. Cùng với đó, tín dụng xanh, tài chính bền vững và hỗ trợ doanh nghiệp phát thải thấp được ưu tiên, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xanh và tăng trưởng bền vững của Chính phủ.

Bên cạnh chuyển đổi số, các NHTM Việt Nam đang đẩy mạnh chiến lược phát triển bền vững thông qua việc ứng dụng công nghệ, tối ưu hóa huy động vốn, mở rộng tín dụng an toàn và kiểm soát nợ xấu. Tính đến cuối tháng 10/2025, tổng tiền gửi khách hàng cá nhân toàn hệ thống TCTD tại Việt Nam đạt xấp xỉ 8 triệu tỷ đồng, tăng gần 13% so với cùng kỳ năm 2024, phản ánh mức độ



tin cậy cao của người dân gửi tiền vào hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó, tiền gửi của các tổ chức kinh tế và tổ chức khác vào hệ thống ngân hàng đạt 8,35 triệu tỷ đồng, tăng 8,9% so với đầu năm 2025. Dự báo, đến hết năm 2025, tổng tiền gửi của khách hàng tại các TCTD đạt 17.4 triệu tỷ đồng, tăng trên 11% so với cùng kỳ năm trước. Trong bối cảnh diễn biến kinh tế vĩ mô trong năm 2025 nhưng vốn huy động từ khách hàng vào hệ thống ngân hàng vẫn tăng khá là tin hiệu đáng mừng, đây là nguồn vốn chủ lực để các TCTD mở rộng cung ứng vốn tín dụng đối với nền kinh tế. (VNBA, 2025).

Về hoạt động tín dụng của hệ thống ngân hàng đối với khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Dự nợ tín dụng và đầu tư của các TCTD đối với toàn nền kinh tế tính đến tháng 9/2025 ước đạt 17,7 triệu tỷ đồng, tăng gần 14% so với cuối năm 2024, trong đó nhiều NHTM có tốc độ tăng trưởng cao như Vietcombank, BIDV, MB, VPBank và ACB với mức tăng từ 14-17%. NHNN Việt Nam dự báo tăng trưởng tín dụng cả năm đạt khoảng 19 -20%, mức tăng cao nhất trong 15 năm gần đây. Các TCTD, hướng dòng vốn vào các lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu, năng lượng tái tạo và doanh nghiệp nhỏ và vừa. Quy mô dự nợ tín dụng của toàn hệ thống ngân hàng đạt mức cao nhất từ trước đến nay, cho thấy vai trò then chốt của ngành ngân hàng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vĩ mô. (VNBA, 2025).

Song song với mở rộng tín dụng, các TCTD tiếp tục tăng vốn điều lệ và củng cố hệ số an toàn vốn (CAR) nhằm nâng cao năng lực tài chính và đáp ứng chuẩn Basel II, hướng tới Basel III. Trong năm 2025, nhiều NHTM quy mô lớn như Vietcombank, BIDV, SHB, VPBank, HDBank và Techcombank đã trình phương án tăng vốn hàng chục nghìn tỷ đồng. Đến cuối năm 2025 có khoảng 90% NHTM có hệ số CAR trên 10%, đảm bảo an

toàn hệ thống và khả năng chống chịu rủi ro trước biến động thị trường. (VNBA, 2025).

Đáng chú ý, cuộc đua vốn hóa ngân hàng trong những tháng cuối năm 2025 diễn ra sôi động, khi tổng vốn hóa nhóm NHTM cổ phần trên thị trường chứng khoán thời điểm cuối tháng 10/2025 đạt hơn 2,4 triệu tỷ đồng, chiếm gần 32% tổng giá trị vốn hóa toàn thị trường. Sự gia tăng vốn hóa phản ánh niềm tin của nhà đầu tư và kỳ vọng về triển vọng tăng trưởng lợi nhuận trong trung hạn của các NHTM đang niêm yết cổ phiếu. (VNBA, 2025).

Về kết quả kinh doanh, đến hết quý III/2025, lợi nhuận trước thuế của hệ thống ngân hàng đạt mức cao kỷ lục. Lợi nhuận trước thuế 9 tháng đầu năm 2025 của khối NHTM tăng 12-15%, nhờ tín dụng bền vững và đẩy mạnh dịch vụ số. Thu nhập ngoài lãi từ thanh toán, bancassurance, ngoại hối và chứng khoán tăng mạnh, giảm phụ thuộc vào tín dụng truyền thống. Trong đó, Vietcombank đạt khoảng 37.000 tỷ đồng, BIDV và MB vượt 25.000 tỷ đồng, còn Techcombank, ACB và SeABank có mức tăng trưởng lợi nhuận từ 25-50% so với cùng kỳ năm 2024. Biên lãi ròng (NIM) tiếp tục được cải thiện nhờ tăng tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn và tối ưu hóa chi phí huy động vốn. (VNBA, 2025).

4. Đánh giá điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng năm 2025

4.1. Kết quả thực hiện các mục tiêu kinh tế vĩ mô

Tổng thể, chính sách tiền tệ năm 2025 của Việt Nam được điều hành theo hướng chủ động, thích ứng và thực chứng, đảm bảo cân đối giữa ổn định vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng và an toàn hệ thống tài chính. Sự phối hợp hiệu quả giữa lãi suất, tỷ giá, tín dụng và OMO giúp giữ vững niềm tin vào đồng Việt Nam. Năm 2025, NHNN điều hành chính sách tiền



tệ (CSTT) theo hướng nới lỏng có chọn lọc, linh hoạt và hiệu quả, góp phần duy trì tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định hệ thống tài chính - tiền tệ.

Về tăng trưởng kinh tế: CSTT linh hoạt, lãi suất ổn định và thanh khoản dồi dào đã hỗ trợ sản xuất - kinh doanh, giúp GDP ước tăng 8,3-8,5%, cao hơn mức trung bình giai đoạn 2020-2024, phản ánh đà phục hồi bền vững. Tăng trưởng tín dụng đạt khoảng 20%, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên như sản xuất, xuất khẩu, công nghệ cao và doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Về kiểm soát lạm phát: NHNN điều hành đồng bộ lãi suất, tỷ giá và cung tiền, giữ lạm phát bình quân 3,5-3,7%, thấp hơn mục tiêu Quốc hội (<4,5%). Việc kiểm soát cung tiền và điều phối tín dụng hợp lý giúp hạn chế lạm phát nhập khẩu trong bối cảnh giá năng lượng thế giới biến động.

Về thương mại và tỷ giá: CSTT phối hợp hài hòa với chính sách thương mại giúp xuất khẩu tăng khoảng 15%, nhập khẩu tăng chậm hơn, đưa cán cân thương mại thặng dư khoảng 20 tỷ USD. Tỷ giá VND/USD được điều hành linh hoạt, biến động trong biên độ $\pm 2\%$, hỗ trợ xuất khẩu, giảm rủi ro ngoại hối và củng cố niềm tin vào đồng nội tệ.

Về ổn định hệ thống ngân hàng: NHNN tăng cường giám sát an toàn vốn, thúc đẩy chuyển đổi số và tín dụng xanh. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng duy trì dưới 3,5%, trong khi CAR toàn hệ thống đạt trên 10,5%, đảm bảo an toàn và khả năng chống chịu rủi ro.

4.2. Đánh giá về hoạt động ngân hàng

Hệ thống ngân hàng an toàn, tăng trưởng bền vững, CAR trung bình đạt trên 10,5%, nợ xấu dưới 3,3%; hệ thống tiếp tục tái cơ cấu gắn với xử lý nợ xấu. Toàn bộ hệ thống TCTD đẩy mạnh chuyển đổi số và ngân hàng hiện đại. Năm 2025 có sự phát triển mạnh của ngân hàng số, thanh toán không tiền mặt, ví điện tử và ứng dụng AI, Big Data, RPA

trong quản trị rủi ro, nâng cao năng suất và trải nghiệm khách hàng.

Nhìn chung, trong năm 2025 đánh dấu bước phát triển toàn diện của hệ thống ngân hàng Việt Nam: vừa mở rộng quy mô, vừa củng cố nền tảng công nghệ, tài chính và quản trị rủi ro. Hướng đi kết hợp giữa chuyển đổi số, phát triển xanh và quản trị an toàn vốn đang trở thành chiến lược cốt lõi, giúp các ngân hàng tiến tới mục tiêu phát triển bền vững, hiệu quả và hội nhập quốc tế.

4.3. Một số hạn chế và nguyên nhân

Một là, khả năng truyền dẫn CSTT đối với nền kinh tế nói chung và đối với hoạt động ngân hàng nói riêng còn chậm, đặc biệt ở nhóm NHTM quy mô nhỏ. Lãi suất điều hành của NHNN ít tác động vào lãi suất trong nền kinh tế. NHNN duy trì quá lâu công cụ hạn mức tín dụng, mặc dù Thủ tướng Chính phủ nhiều lần có ý kiến về vấn đề này, song NHNN mới bỏ đổi với các Ngân hàng nước ngoài. Trong nhiều năm qua NHNN không điều chỉnh giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc. Bộ máy CIC và Bảo hiểm tiền gửi (BHTG) quá cồng kềnh, phí cao và vai trò của BHTG gần như không thấy gì

Hai là, rủi ro nợ xấu tiềm ẩn của các TCTD còn lớn, nhất là từ lĩnh vực bất động sản và tiêu dùng. Tỷ lệ nợ xấu tổng thể nếu kể cả nợ ngoại bảng, nợ đã bán cho VAMC, nợ cấu lại ước tính lên tới gần 10%. Thị trường mua bán nợ còn kém phát triển, vai trò thực sự của VAMC mờ nhạt. Cấu trúc tín dụng chưa bền vững, tỷ trọng tín dụng trung - dài hạn cao, gây áp lực thanh khoản.

Ba là, một số NHTM quy mô nhỏ năng lực tài chính yếu, chưa đạt chuẩn Basel III, chậm tăng vốn điều lệ, tỷ lệ CAR thấp, tỷ lệ nợ xấu cao, lợi nhuận thấp; rủi ro công nghệ và an ninh mạng gia tăng, chất lượng nhân sự hạn chế.

Bốn là, khung pháp lý xử lý nợ và quản trị rủi ro còn bất cập, trong khi năng lực



dự báo, phân tích thị trường của một số NHTM chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Nhiều NHTM chưa mạnh dạn đầu tư công nghệ số và ứng dụng AI.

Năm là, một số cơ chế chính sách chậm ban hành theo yêu cầu của thực tiễn

Điển hình là NHNN chậm ban hành quy định về sinh trắc học trong giao dịch thanh toán số của các NHTM trên thiết bị di động, quy định về rút trước hạn một phần tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn. Đến cuối tháng 11/2025 NHNN mới trình Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn chính sách hỗ trợ lãi suất 2% cho doanh nghiệp vay vốn thực hiện dự án xanh, tuần hoàn, áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) thông qua các NHTM.

5. Khuyến nghị giải pháp điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng Việt Nam năm 2026

Bước sang năm 2026, kinh tế Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục phục hồi vững chắc, song vẫn đối mặt với nhiều thách thức từ suy giảm tăng trưởng toàn cầu, lạm phát tiềm ẩn, rủi ro địa chính trị, biến động giá năng lượng và xu hướng thắt chặt tiền tệ ở các nền kinh tế lớn. Trong bối cảnh đó, việc điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng cần được triển khai chủ động, linh hoạt và thận trọng, nhằm thực hiện các mục tiêu: ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng hợp lý và củng cố hệ thống ngân hàng an toàn, hiện đại.

5.1. Giải pháp về điều hành chính sách tiền tệ

Thứ nhất, điều hành cung tiền và tín dụng linh hoạt, kiểm soát lạm phát dưới 4%.

NHNN cần điều tiết cung tiền phù hợp với diễn biến GDP và lạm phát, sử dụng linh hoạt các công cụ như thị trường mở (OMO), tái cấp vốn và dự trữ bắt buộc để ổn định

thanh khoản. Tăng trưởng tín dụng năm 2026 nên định hướng 17-18%, tập trung vào lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu, công nghệ cao, năng lượng tái tạo và doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời kiểm soát chặt tín dụng bất động sản, chứng khoán và tiêu dùng rủi ro cao.

Thứ hai, điều hành lãi suất linh hoạt, hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sau rất nhiều khó khăn bất thường.

NHNN cần theo dõi chặt chẽ xu hướng lạm phát, tỷ giá và lãi suất toàn cầu, điều chỉnh hợp lý để tránh gây áp lực chi phí vốn. Mặt bằng lãi suất cho vay cần duy trì ổn định, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh giữa các ngân hàng và mở rộng các gói tín dụng ưu đãi có trọng tâm hỗ trợ sản xuất, xuất khẩu và doanh nghiệp xanh.

Thứ ba, điều hành tỷ giá và ngoại hối chủ động, củng cố niềm tin vào đồng Việt Nam.

Tỷ giá cần được điều hành linh hoạt theo tín hiệu thị trường, vừa hỗ trợ xuất khẩu, vừa hạn chế lạm phát nhập khẩu. NHNN nên duy trì dự trữ ngoại hối trên 100 tỷ USD, sẵn sàng can thiệp khi biến động mạnh, đồng thời mở rộng thanh toán song phương bằng nội tệ với các đối tác lớn để giảm phụ thuộc USD và tăng vị thế đồng Việt Nam.

Thứ tư, NHNN cần phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa, đầu tư công và các chính sách vĩ mô khác, bảo đảm ổn định tổng cầu và kiểm soát giá cả.

Đồng thời, tăng cường minh bạch thông tin, truyền thông chính sách tiền tệ, cải thiện năng lực dự báo và phân tích thị trường, qua đó củng cố niềm tin của doanh nghiệp, nhà đầu tư và người dân vào định hướng điều hành vĩ mô của Việt Nam trong giai đoạn 2026-2030.

Thứ năm, NHNN cần sớm bỏ công cụ hạn mức tín dụng ngay trong năm 2026 và chỉ đạo tinh giản bộ máy.

Nếu NHNN không thực hiện như trên thì



cần bỏ trước tiên đối với các NHTM NN và NHTM NN đã cổ phần hóa, các NHTM CP tư nhân có nợ xấu dưới 1% và các tiêu chuẩn an toàn khác theo Basel II. NHNN cần chỉ đạo tinh giản bộ máy VAMC, CIC và BHTG, tạo điều kiện giảm các loại phí đó, tạo điều kiện cho các TCTD giảm lãi suất cho vay.

5.2. Giải pháp về hoạt động ngân hàng

Thứ nhất, nâng cao năng lực tài chính và quản trị rủi ro.

Các tổ chức tín dụng cần tiếp tục tăng vốn điều lệ, cải thiện hệ số an CAR theo chuẩn Basel III, đa dạng hóa nguồn vốn trung - dài hạn và quản trị rủi ro thanh khoản. NHNN cần giám sát chặt việc phân loại nợ, trích lập dự phòng và kiểm soát nợ tiềm ẩn từ cơ cấu lại sau dịch hoặc cho vay bất động sản.

Thứ hai, xử lý nợ xấu và hoàn thiện cơ chế pháp lý.

Triển khai hiệu quả Đề án xử lý nợ xấu giai đoạn 2026-2030, phát triển thị trường mua bán nợ thứ cấp, hoàn thiện cơ chế pháp lý về tài sản bảo đảm, thu giữ và xử lý tài sản. Đồng thời, khuyến khích sáp nhập và hợp nhất ngân hàng để nâng cao sức cạnh tranh và minh bạch hệ thống.

Thứ ba, đẩy mạnh chuyển đổi số và phát triển ngân hàng xanh.

Năm 2026 cần là giai đoạn bứt phá về công nghệ ngân hàng, ứng dụng AI, dữ liệu lớn (Big Data), Blockchain và điện toán đám mây trong quản trị, vận hành và chăm sóc khách hàng. Song song, đẩy mạnh tín dụng xanh, ngân hàng xanh, ưu tiên vốn cho các dự án thân thiện môi trường, góp phần thực hiện cam kết phát thải ròng bằng 0 (Net Zero) vào năm 2050.

Kết luận

Nhìn chung, năm 2025, chính sách tiền tệ Việt Nam được điều hành chủ động, linh hoạt và hiệu quả, góp phần duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát dưới 4%, thúc đẩy tăng trưởng GDP trên 8% và củng cố hệ thống ngân hàng an toàn, hiện đại. Tuy nhiên, thách thức vẫn tồn tại về nợ xấu, khả năng truyền dẫn chính sách và rủi ro công nghệ, đòi hỏi NHNN tiếp tục hoàn thiện công cụ điều hành và tăng cường quản trị hệ thống trong giai đoạn 2026-2030.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cục Thống kê (GSO). (2025). *Các số liệu thống kê về phát triển kinh tế - xã hội hàng tháng và hàng quý trong năm 2025*. Hà Nội.
- Federal Reserve. (2025, October 30). *Federal Open Market Committee statement*. Federal Reserve.
- IMF. (2025a). *World Economic Outlook, October 2025: Balancing stability and growth*. International Monetary Fund.
- NHNN Việt Nam (SBV). (2025a). *Báo cáo hoạt động ngân hàng năm 2025, một số định hướng chính năm 2026; bản cứng, Tài liệu họp báo*. Hà Nội: NHNN.
- NHNN Việt Nam (SBV). (2025b). *Tình hình điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng 9 tháng đầu năm 2025*. Hà Nội: NHNN.
- World Bank. (2025a). *Vietnam macro monitoring: October 2025*. Washington, DC: World Bank.
- Reuters. (2025). Various articles on China GDP, trade tensions and global markets. Retrieved from Reuters database.
- VNBA. (2025): Thông tin hoạt động các tháng trong năm 2025 của các ngân hàng hội viên, truy cập tại www.vnba.org.vn; Ngày truy cập 16/11/2025.

